

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 338/2020/NQ-HĐND

Hoà Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn
tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh dân số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh số 08/2008/UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh dân số;

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số;

Thực hiện Nghị quyết 137/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết

số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng: **Các cá nhân sinh sống** trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh có liên quan đến công tác Dân số và phát triển.

Điều 2. Một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

1. Chính sách 1: Khuyến khích mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

1.1. Hỗ trợ chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với các đối tượng trong độ tuổi sinh sản có nhu cầu tránh thai: 300.000.000đ/năm (ba trăm triệu đồng/năm).

1.2. Hỗ trợ tổ chức triển khai các đợt cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình đến các xã có mức sinh cao, xã khó khăn, vùng sâu, xa: 95.000.000đ/năm (chín trăm triệu đồng/năm).

2. Chính sách 2: Tích cực triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng dân số; khuyến khích, vận động các cặp nam nữ trước khi kết hôn có giấy chứng nhận xét nghiệm sàng lọc gen bệnh tan máu bẩm sinh.

2.1. Hỗ trợ thực hiện mô hình can thiệp giảm mắc bệnh tan máu bẩm sinh:

a) Hỗ trợ điều trị, phòng bệnh tan máu bẩm sinh tại khoa nhi bệnh viện tỉnh: 50.000.000 đồng/năm (năm mươi triệu đồng/năm).

b) Hỗ trợ vị thành niên, thanh niên trước khi kết hôn thực hiện xét nghiệm sàng lọc gen bệnh: 365.000.000đ/năm(ba trăm sáu mươi triệu đồng/năm);

Giai đoạn 2021 - 2025: Hỗ trợ 70% chi phí xét nghiệm sàng lọc.

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình, mạng lưới tư vấn chuyên đổi hành vi nhằm tăng tỷ lệ vị thành niên, thanh niên tự nguyện tìm đến cơ sở xét nghiệm gen bệnh: 200.000.000đ/năm (hai trăm triệu đồng/năm).

2.2. Hỗ trợ thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: 200.000.000đ/năm (hai trăm triệu đồng/năm).

2.3. Hỗ trợ thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi: 80.000.000đ/năm (tám mươi triệu đồng/năm).

3. Chính sách 3: Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới.

3.1. Hỗ trợ thêm thù lao ngoài định mức hiện hành

a) Đối tượng thụ hưởng: Cộng tác viên dân số.

b) Định mức: 50.000 đồng/người/tháng; Tổng kinh phí cho các cộng tác viên **dân số/năm**: 889.000.000đ/năm (tám trăm tám chín triệu đồng/năm).

3.2. Hỗ trợ giám sát, đánh giá, khuyến khích khen thưởng về công tác dân số (xã 3 năm, 5 năm, 10 năm... không sinh con thứ 3 trở lên): 70.000.000đ/năm (bảy mươi triệu đồng/năm).

(Chi tiết có phụ lục kinh phí kèm theo)

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này **đã** được Hội đồng nhân dân tỉnh **Hòa Bình** Khóa XVI, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2020. Nghị quyết số 98/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định mức hỗ trợ thù lao cho cộng tác viên dân số, kế hoạch hóa gia đình hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

PHỤ LỤC**Kinh phí hỗ trợ một số chính sách thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 338/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung hỗ trợ	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
	Tổng số	2.249	2.249	2.249	2.249	2.249	11.246
I	Các chính sách hỗ trợ khuyến khích mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con	395	395	395	395	395	1.975
1	Hỗ trợ chi phí dịch vụ KHHGD (Chi phí thuốc, vật tư, hoá chất cho đối tượng đặt vòng, tiêm TTT, cấy TTT...)	300	300	300	300	300	1.500
2	Hỗ trợ tổ chức triển khai các đợt cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đến các xã có mức sinh cao, xã khó khăn, vùng sâu, xa.	95	95	95	95	95	475
II	Các chính sách hỗ trợ triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng dân số	895	895	895	895	895	4.475
1	Hỗ trợ kinh phí thực hiện mô hình can thiệp giảm mắc bệnh tan máu bẩm sinh	615	615	615	615	615	3.075
1.1	Hỗ trợ điều trị bệnh tan máu bẩm sinh tại khoa nhi bệnh viện tỉnh (mua máy thải sắt; tư vấn điều trị, phòng bệnh...)	50	50	50	50	50	250
1.2	Hỗ trợ VTN/TN trước khi kết hôn thực hiện xét nghiệm sàng lọc gen bệnh tan máu bẩm sinh	365	365	365	365	365	1.825

1.3	Hỗ trợ xây dựng mô hình, mạng lưới tư vấn chuyển đổi hành vi nhằm tăng tỷ lệ vị thành niên, thanh niên tự nguyện tìm đến cơ sở xét nghiệm gen bệnh	200	200	200	200	200	1.000
2	Hỗ trợ thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh	200	200	200	200	200	1.000
3	Hỗ trợ thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi.	80	80	80	80	80	400
III	Các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới	959	959	959	959	959	4.796
1	Hỗ trợ thù lao cộng tác viên dân số ngoài định mức hiện hành (50 nghìn đồng/ người/ tháng*12 tháng*1482 CTV)	889	889	889	889	889	4.446
2	Giám sát, đánh giá, khuyến khích khen thưởng công tác dân số	70	70	70	70	70	350